

PHẬT NÓI KINH TIÊU TRỪ NHẤT THIẾT TẠI CHƯỞNG BẢO KẾ ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thích Quang Lộc
Khanh_ Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng:” Có Đà La Ni tên là **Bảo Kế** hay cho chúng sinh làm lợi ích lớn, hay diệt nghiệp tội cực nặng của chúng sinh.

Này A Nan ! Xưa kia Đế Thích đánh nhau với Tu La thời Đế Thích bị thua, bỏ chạy, sợ hãi vô lượng. Khi ấy Đế Thích vội vã đi đến nơi Phật ngự, buồn bã thưa với Ta rằng: ” ***Thế Tôn ! Xin Đức Đại Từ Nguyện hãy rủ lòng thương, con sợ Tu La nên chẳng thể an trụ. Nguyện xin Đấng Đại Từ ban cho con sự an ổn!.....***”

A Nan ! Ta nghe Đế Thích nói xong, liền bảo rằng: Ong đừng sợ hãi, Ta sẽ chỉ cách ủng hộ ông. Này Thiên Chủ ! Ở kiếp quá khứ có Thế Giới của Phật, tên là **Quán Chiếu** . Cõi ấy có Đức Phật, tên là **Quán Tự Tại Như Lai** . Đức Phật đó đã truyền **Bảo Kế Đà La NI** này cho Ta. Đà La Ni ấy được một câu chi Phật khác miệng cùng lời diễn nói, có uy lực lớn hay giáng cát tường.

Nếu lại có người viết chép, đội trên đỉnh đầu, đọc tụng, thọ trì. Ta biết người ấy diệt tất cả tội, tăng vô lượng Phước, thường tự ủng hộ và hay làm lợi cho người khác.

Này Thiên Chủ ! Ông thường ghi nhớ, viết chép, đội trên đỉnh đầu sẽ khiến cho việc làm của ông, tất cả tùy tâm. Đà La Ni Vương này cũng có tên là **Tùy Cầu** hay cho chúng sinh Thiện lợi tối thượng. A Tu La kia sẽ tự dừng tâm, giả sử đi đến đánh nhau, cũng tự lui tan, bị giáng phục. Ta sẽ vì ông nói **Bảo Kế Đà La Ni** là:

- 1_ **Nam mô một đà dã** (NAMO BUDDHAYA)
- 2_ **Nam mô đạt lệ-ma dã** (NAMO DHARMAYA)
- 3_ **Nam mô tăng già dã** (NAMO SAÑGHAYA)
- 4_ **Nam mô táp bát-đa năng, tam miệu ngật-tam một đà năng** (NAMO SAPTÀNÀM SAMYAKSAMBUDDHÀNÀM)
- 5_ **Tát thất-la phộc ca tăng già năng** (SA’SRAVAKA SAÑGHÀNÀM)
- 6_ **Tát lệ-phộc một đà mạo đề tát đỏa nan tả** (SARVA BUDDHA BODHISATTVÀNÀM CA)
- 7_ **Đát ninh tha** (TADYATHÀ)
- 8_ **An, nhạ dã cát lệ** (OM_ JAYA KÀRI)
- 9_ **Một độ đá la ni** (BUDDHA UTTÀRANI)
- 10_ **Bát vĩ đát-la mục cật** (PAVITRA MUKHE)
- 11_ **Tát lệ-phộc măng nga la , đà la tả** (SARVA MAÑGALA DHARA CAJE)

- 12_ Di mộ đế, na na, lãng ca la, ni bộ thủy đế (MURTE NÀNÀ LAMKÀRA VIBHUSITE)
- 13_ Tát hạ tát-la bộ di (SAHASRA BHÙJE)
- 14_ Tát hạ tát-la nễ đễ-lị (SAHASRA NETRE)
- 15_ Tát hạ tát-la thất lị (SAHASRA 'SIRSE)
- 16_ Ma ni, dân noa lệ (MANI KUNDALE)
- 17_ Tán noa hạ, tán nại đề (SAMNÀHA SAMNADDHE)
- 18_ Vĩ tức đất-la mạo lê đạt lị (VICITRA MAULI DHARÌ)
- 19_ Tán nại-la, tố lị-dã, a đề lị kế (CADNRA , SÙRYA , ATIREKE)
- 20_ A ca xá, nga nga na, tả lị ni (ÀKÀ'SA GAGANA CÀRIṆI)
- 21_ Mãng nga la, thất la di, mộ đế (MAÑGALA 'SIRAJE MURTE)
- 22_ Bát vĩ đất-la ngật-lị đa, mãng nga lệ (PAVITRA KṚTA MAÑGALE)
- 23_ Bộ lị di đà yết la ni (BHÙRI MEDHÀ KARANI)
- 24_ Tổ lỗ, tổ lỗ (CURU CURU)
- 25_ Thuế đa bát trí ('SVETA PATE)
- 26_ Di lỗ, di lỗ (MERU MERU)
- 27_ Thuế đa phộc na đề ('SVETA VANADDHE)
- 28_ Hồ lỗ, hồ lỗ (HURU HURU)
- 29_ Bát vĩ đất-la mục cật (PAVITRA MUKHE)
- 30_ Cổ lỗ, cổ lỗ (KURU KURU)
- 31_ Tán nại-la mục cật (CANDRA MUKHE)
- 32_ A nễ đa phộc xá phộc lị-đễ nễ (ÀDITYA VA'SA VARTINI)
- 33_ Tảm bà nễ (JAMBHANI)
- 34_ Mãng nga la , đà la ni (MAÑGALA DHÀRANI)
- 35_ Tắc-đảm bà nễ (STAMBHANI)
- 36_ Tát lị-phộc vĩ ninh đạt la ma đế (SARVA VIDYADHÀRA MÀTE)
- 37_ Mô hạ nễ (MOHANI)
- 38_ A mô già, bá xả, hạ tất đế (AMOGHA PÀ'SA HASTE)
- 39_ Tát lị-phộc bạt dã, vĩ mộ tả nễ (SARVA BHAYA VIMOCANI)
- 40_ La nhạ, tứ la nghi-nễ (RÀJA CORA AGNI)
- 41_ Vĩ sơ na ca, bạt dã, bát-la thiết ma nễ (VIṢODAKA BHAYA PRA'SAMANI)
- 42_ Ca khô lị-na, nễ phộc la ni (KÀKHORDA NIVÀRANI)
- 43_ An, tức lị, tức lị (OM _HIRI HIRI)
- 44_ Nhạ dã ca lị (JAYA KÀRI)
- 45_ Phộc la ca lị (BALA KÀRI)
- 46_ Đạt na ca lị (DHÀNA KÀRI)
- 47_ Đế nhạ tắc-ca lị (TEJAS KÀRI)
- 48_ Vĩ phộc na, bát-la thiết ma nễ (VIVÀDA PRA'SAMANI)
- 49_ Một đà, nễ phộc la ni (BUDDHA NIVÀRANI)
- 50_ Bát la tác ngật-la, bát-la thiết ma nễ (PARACAKRA PRA'SAMANI)
- 51_ Bát la tát ninh, nễ phộc la ni (PRASAINYA NIVÀRANI)

- 52_ Một đà đá la ni (BUDDHA UTTÀRAṆI)
- 53_ Bát-la bộ đa, phệ la, ma ni, ma ni (PRABHÙTA VELA MAṆI MAṆI)
- 54_ Ma hạ ma ni (MAHÀ MAṆI)
- 55_ Ma ni, mãn đà nãṅg (MAṆI VANDHANÀṀ)
- 56_ Đễ-lị lộ ca, lộ ca cát lị (TRILOKA , ÀLOKA KÀRI)
- 57_ Đễ-lị bổ la na nga la (TRIPURA NAGARA)
- 58_ Vĩ đặc-võṅg sa nễ (VIDHVAMṢANI)
- 59_ Bát-la tát ninh, vĩ nại-la bát ni (PRASAINYA VIDRÀPAṆI)
- 60_ Tát lị-phộc ṅật-lị đa, ca lị-ma nễ tố nại nễ (SARVA KṚTYÀ KARMA NISÙDANI)
- 61_ Mê đề nãṅg, bát-la thiết ma nễ (VYÀDHNÀṀ PRA'SAMAṆI)
- 62_ Án, tức lệ (OM_ CILI)
- 63_ Mật lệ (MILI)
- 64_ Vĩ lệ, sa-phộc hạ (VIRI SVÀHÀ)
- 65_ Tức lý, mật lý, sa-phộc hạ (CILI MILI SVÀHÀ)
- 66_ Tả cật lý (CAKRI)
- 67_ Tả cật lý, sa-phộc hạ (CAKRI SVÀHÀ)
- 68_ Tán noa lý, di trí nễ, sa-phộc hạ (CAṆDALI MIṬINI SVÀHÀ)
- 69_ Ô lị-đà kế thất, băng nga lệ (URDHA KE'SI PIṆGALE)
- 70_ Băng nga la, xuy nại đề, mục cật, sa-phộc hạ (PIṆGALA VÀNADDHE MUKHE SVÀHÀ)
- 71_ Sa la, sa la (SARA SARA)
- 72_ Tức lị, tức lị (SIRI SIRI)
- 73_ Tô lỗ, tô lỗ (SURU SURU)
- 74_ Môn tả, môn tả (MUÑCA MUÑCA)
- 75_ Môn tả bát dã (MUÑCÀPAYA)
- 76_ Bát-la thiết ma dã (PRA'SAMAṆI)
- 77_ Một độ đa la ni, phát tra (BUDDHA UTTÀRAṆI PHATṬ)
- 78_ Tức đa nễ lị-ma, ca la ni, phát tra (CITTA NIRMALA KARAṆI PHATṬ)
- 79_ A tô la, nễ lị-già đát nễ, phát tra (ASURA NIRGHÀTAṆI PHATṬ)
- 80_ Nhạ dã yết lị, phát tra (JAYA KÀRI PHATṬ)
- 81_ Thất-lị yết lị, phát tra ('SRÌ KÀRI PHATṬ)
- 82_ Tát hạ tát-la thất lị, phát tra (SAHASRA 'SÌRṢE PHATṬ)
- 83_ Tát hạ tát-la phóng di, phát tra (SAHASRA BHÙJE PHATṬ)
- 84_ Tát hạ tát-la nê đễ-lị, phát tra (SAHASRA NETRE PHATṬ)
- 85_ Tát lị-phộc vĩ ninh đạt la , na mạc tắc ṅật-lị đỏi, phát tra (SARVA VIDYADHÀRA NAMASKṚTAI PHATṬ)
- 86_ Tát lị-phộc thiết đót-lỗ , na thiết nễ, phát tra (SARVA 'SATRÙ NÀ'SAṆI PHATṬ)
- 87_ Tát lị-phộc bạt dã, vĩ mô xoa ni, phát tra (SARVA BHAYA VIMOKṢAṆI PHATṬ)
- 88_ Bát-lị tắc ṅật-la, nễ phộc la ni, phát tra (PARACAKRA NIVÀRAṆI PHATṬ)

89_ **Bát la tát ninh, vĩ nại-la bát ni, phát tra** (PRASAINYA VIDRÀPAṆI PHAT)

90_ **Tát lị-phộc mê đề, bát-la thiết ma nễ, phát tra** (SARVA VYÀDH PRA'SAMAṆI PHAT)

91_ **Tát lị-phộc ngật-la hô tha nại nễ, phát tra** (SARVA GRAHOCCHEDAṆI PHAT)

92_ **Lạc xoa, lạc xoa, ma ma, tát lị-phộc một đà mạo địa tát đỏa năng đế nhạ sa** (RAKṢA RAKṢA MAMA SARVA BUDDHA BODHISATTVÀNÀM TEJASA)

93_ **Tát ma đa tát để-lị noản** (SAMÀTTA BHÌ TRṆAM)

94_ **Tát nốt tứ để-lị noản** (SADURHRD TRṆAM)

95_ **Tổ bát sa-tha dĩ ca năng** (SUPASTHÀYIKÀNÀM)

96_ **Tát ba lị phộc la noản** (SAPARIVÀRÀNÀM)

97_ **Đế nhạ sa, tát lị-phộc mê đề năng** (TEJASÀ SARVA VYÀDHINÀM)

98_ **Tát lị-phộc thiết lị lăm** (SARVA 'SARÌRAM)

99_ **Tát lị-phộc bạt du bát nại-la phệ tỳ-dược** (SARVA BHAYA YPADRAVEBHYAḤ)

100_ **Tát lị-phộc dục đề tỳ-dược** (SARVA YUDDHEBHYAḤ)

101_ **Tát lị-phộc mê đề tỳ-dược** (SARVA VYÀDHÌBHYAḤ)

102_ **Tát lị-phộc nốt ngật-lị để tỳ-dược** (SARVA DUṢKṚTEBHYAḤ)

103_ **Tát lị-phộc ngật-lị đa ca khô nhĩ tỳ-dược, sa-phộc hạ** (SARVA KṚTYA KÀKHORDEBHYAḤ SVÀHÀ)

104_ **Tát lị-phộc vĩ thí tỳ-dược** (SARVA VIṢEBHYAḤ)

105_ **Tát lị-phộc ca dã, tức đa, bế noa tỳ-dược thất tả** (SARVA KÀRYA CITTA PIḌEBHYAḤ 'SCA)

106_ **Lạc xoa, lạc xoa, ma ma, sa-phộc hạ** (RAKṢA RAKṢA MAMA SVÀHÀ)

Khi Thiên Đế Thích được Đà La Ni này xong thời vui vẻ, đội trên đỉnh đầu, ghi nhớ thọ trì, thường với quyến thuộc an lạc mà trụ

Này A Nan ! Đà La Ni này có uy lực rộng lớn, chẳng riêng giáng phục A Tu La Vương cho đến tất cả Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đát Bà, Ca Lô La, Khẩn Na La với Bộ Đa, Phệ Đa Noa.... Náo loạn chúng sinh. Dùng uy lực của Đà La Ni này ủng hộ nên chẳng thể gây hại.

Lại nữa hay trừ đói khát, bệnh tật, thuốc độc, chết yếu, nằm mộng chẳng lành, Quỷ ác gây kinh sợ.

Hoặc lại có người cầu tài bảo, hoặc cầu con. Trì tụng Đà La Ni này đều được tùy ý, tài bảo vô lượng, quyến thuộc tăng ích.

A Nan ! Công Đức thù thắng của Đà La Ni này. Nếu Ta nói đủ , cũng chẳng thể cùng tận”

Bấy giờ A Nan nghe Đức Phật nói Đà La Ni này xong thời chí tâm thọ trì, lễ Phật rồi lui ra.

**PHẬT NÓI KINH TIÊU TRỪ NHẤT THIẾT TẠI CHƯỞNG BẢO KẾ
ĐÀ LA NI (Hết)**

20/09/2005